



THIẾT BỊ Y TẾ
VIỆT NHẬT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty	4
Thông tin cổ phiếu và cổ đông	5
Tóm tắt thông tin tài chính 3 năm	6
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	8
Lịch sử hình thành và phát triển	10
Sản phẩm tiêu biểu	12
Cơ cấu tổ chức và quản lý	18

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2019

Báo cáo của Hội đồng quản trị	25
Báo cáo của Ban giám đốc	32
Báo cáo của Ban Kiểm soát	40
Báo cáo quản trị rủi ro	44

ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2020

45

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

47

01

THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN CÔNG TY

- **Tên tiếng Việt:** Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- **Tên tiếng Anh:** Japan Viet Nam Medical Instrument JSC
- **Tên viết tắt:** JVC
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số và mã số thuế:** 0101178800
- **Vốn điều lệ:** 1.125.001.710.000 đồng
- **Trụ sở chính:**
Địa chỉ: Tầng 24, tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: 024.3683.0516
Số fax: 024.3683.0578
- **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**
Địa chỉ: Tầng 05, tòa nhà văn phòng cao ốc Central Garden, 328 Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại: 028.3920.7283 & 028.3920.7184
Số fax: 028.3920.5873
- **Website:** www.ytevietnhat.com.vn



THÔNG TIN CỔ PHIẾU & CỔ ĐÔNG

- Mã cổ phiếu: JVC
- Được niêm yết ngày 21/06/2011 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh ('HOSE')
- Năm tài chính kết thúc ngày: 31/03
- Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Tổng khối lượng cổ phiếu đã phát hành và niêm yết: 112.500.171 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông: 112.500.171 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu)
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 112.500.171 cổ phiếu
- Vốn hóa tại ngày 31/03/2020: 233 tỷ VNĐ
- Giá cao nhất giai đoạn từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020: 4.950 đồng
- Giá thấp nhất giai đoạn từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020: 2.070 đồng
- Danh sách cổ đông của VSD ngày 05/06/2020:
- Cổ đông lớn (>= 5%): 3 Cổ đông nước ngoài, 0 Cổ đông trong nước

STT	Mã cổ phiếu	Cá nhân/ tổ chức	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	JVC	DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P.	19,35%
2	JVC	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	11,00%
3	JVC	DREAM INCUBATOR INC.	5,85%

- Cổ đông khác (< 5%): 74 Cổ đông nước ngoài, 4.041 Cổ đông trong nước
- Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Cổ đông:
 - Email: qhcd@ytevietnhat.com.vn
 - Website Quan hệ cổ đông: www.ytevietnhat.com.vn/quan-he-co-dong_t370c37tn.aspx



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH 3 NĂM

BẢNG 1 Chỉ tiêu tài chính cơ bản (Giai đoạn 2017-2019)

	2017	2018	2019
Tổng doanh thu	542.017.039.428	615.074.047.088	517.172.861.928
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	9.070.537.832	12.126.540.774	2.731.511.597
Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế	8.923.361.976	11.445.660.829	2.796.028.877
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	79	102	25
Tổng tài sản	664.878.040.869	701.946.900.641	637.857.268.587
Tổng nợ phải trả	147.741.557.576	173.364.756.519	106.479.095.588
Vốn chủ sở hữu	517.136.483.293	528.582.144.122	531.378.172.999
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	77,8%	75,3%	83,3%
Tổng nợ/ Tổng tài sản	22,2%	24,7%	16,7%
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	1,3%	1,6%	0,4%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	1,7%	2,2%	0,5%





THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

NHÌN LẠI NĂM 2019

Năm 2019 kết thúc trong bối cảnh hoạt động kinh doanh gặp nhiều gián đoạn, khó khăn. Lĩnh vực y tế nói riêng và cả nền kinh tế nói chung có sự thay đổi lớn về những mối quan tâm, trình tự ưu tiên và phương thức bố trí nguồn lực. Trong khi nhà nước ưu tiên nguồn lực ứng phó với dịch bệnh; Doanh nghiệp lại trăn trở về phương hướng kinh doanh, tổ chức chuỗi cung ứng và bộ máy hoạt động. JVC là một doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế, đối diện đồng thời với khó khăn và cơ hội: khó khăn để vừa vận hành vừa đảm bảo an toàn cho toàn thể nhân viên do đặc thù tiếp xúc với các cơ sở khám chữa bệnh, khó khăn phải duy trì thậm chí đẩy nhanh tốc độ cung ứng khi thương mại nước ngoài gặp nhiều gián đoạn, khó khăn khi khách hàng phải hoãn hủy dự án và đối mặt với khó khăn tài chính... đi cùng cơ hội tham gia vào

một số ngành hàng mới. Dưới sự dẫn dắt của HĐQT, với sự nỗ lực, kiên trì của Ban điều hành cùng toàn bộ nhân viên, Công ty đã đạt được một số kết quả về doanh số, lợi nhuận như sau:

- Doanh thu thuần 2019: 517.172.861.928 đồng, đạt 74% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2019;
- Lợi nhuận sau thuế 2019: 2.796.028.877 đồng, đạt 16% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2019, chủ yếu do ảnh hưởng từ dự phòng phải thu khách hàng do khó khăn tài chính từ chủ đầu tư;
- Tuy chưa đạt được 100% kế hoạch của ĐHCĐ, nhưng HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực, cống hiến, vượt khó của BGD và toàn thể nhân viên;



ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020

Năm 2020 sẽ là một năm nhiều thử thách khi mà dịch bệnh Covid-19 đã và đang gây ra nhiều thiệt hại kinh tế cho ngân sách nhà nước, bao gồm cả ngân sách đầu tư cho y tế, cho năng lực tài chính của đối tác và bản thân Công ty. Trong khó khăn, chúng tôi cũng nhìn thấy sức ép và cơ hội để thay đổi. Công ty đang thực hiện rà soát, điều chỉnh, tổ chức lại mô hình kinh doanh, bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nhân sự cũng như hiệu quả làm việc. HĐQT sẽ tiếp tục dẫn dắt BGD tận dụng cơ hội, vượt qua khó khăn, chinh phục mục tiêu mới đề ra năm 2020 với các định hướng:

- Ngoài các dòng sản phẩm, hoạt động kinh doanh truyền thống như thiết bị và vật tư tiêu hao chẩn đoán hình ảnh..., Công ty đã

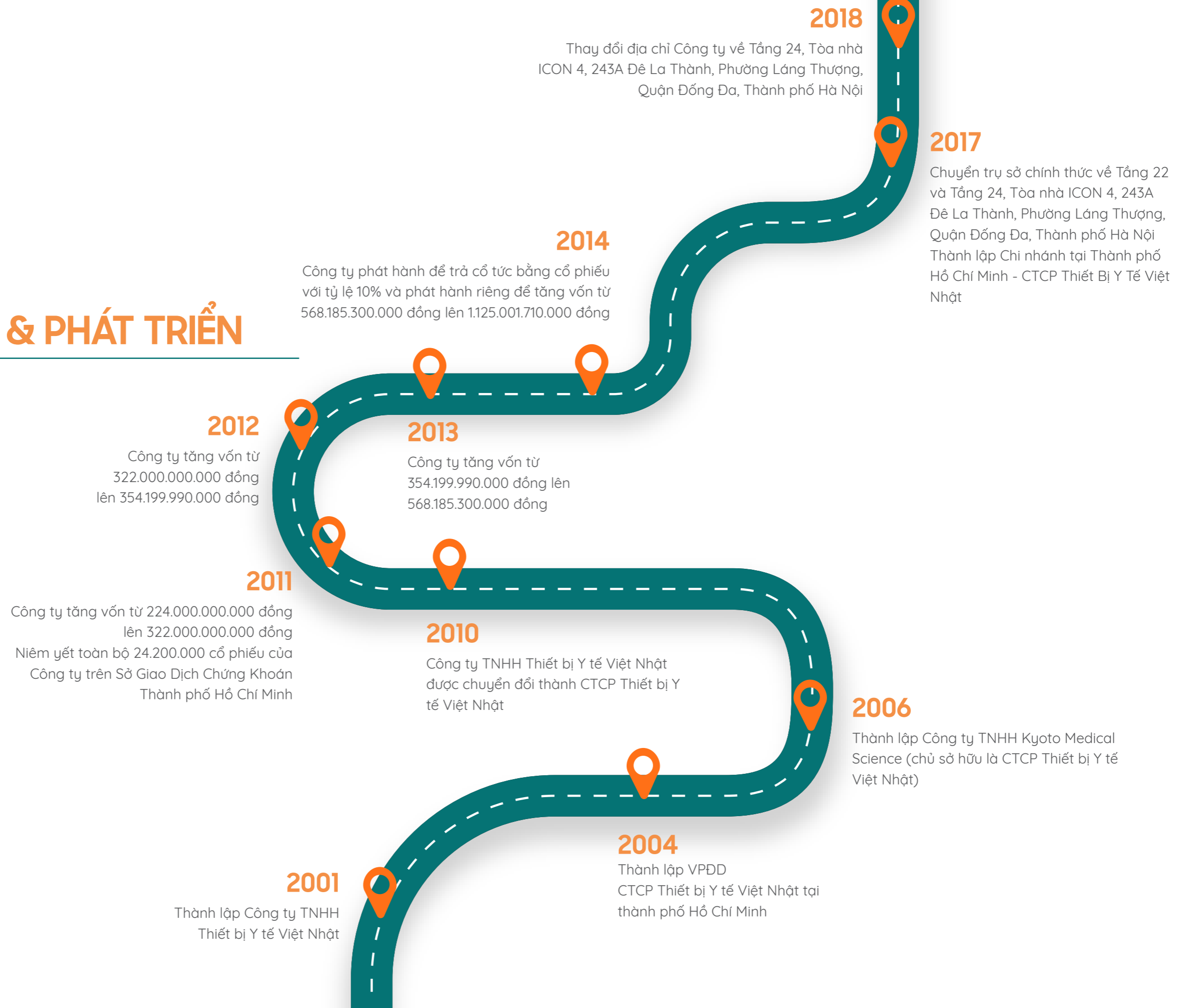
và đang nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm. Công ty bước đầu đã ký kết thêm 04 hợp đồng phân phối độc quyền với các hãng thiết bị và vật tư tiêu hao mới cho các khoa phòng chuyên môn khác. Các sản phẩm mới hứa hẹn sẽ đóng góp vào doanh thu trong thời gian tới có thể kể đến: thiết bị nội soi, chỉ khâu phẫu thuật...;

- Cải thiện phương pháp làm việc, tăng hiệu quả lao động, giảm chi phí vận hành;

Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự lãnh đạo của HĐQT, sự nỗ lực, sát sao của BGD, sự cống hiến của toàn thể nhân viên, Công ty sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu ĐHCĐ đề ra cho năm 2020.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN





SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

1. PHÂN PHỐI THIẾT BỊ Y TẾ
2. PHÂN PHỐI VẬT TƯ TIÊU HAO
3. ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA
4. DỊCH VỤ KỸ THUẬT
5. PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

PHÂN PHỐI THIẾT BỊ Y TẾ

Công ty đang là nhà phân phối độc quyền của nhiều thương hiệu thiết bị y tế nổi tiếng thế giới tại thị trường Việt Nam như Hitachi, Fujifilm, Konica, Sakura, Novaerus... cho các sản phẩm: hệ thống chụp cộng hưởng từ, hệ thống chụp cắt lớp vi tính, hệ thống chụp X-Quang, hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-Quang CR & DR, máy đo loãng xương, máy in phim khô laser y tế, hệ thống nội soi tiêu hóa, máy siêu âm dẫn đường, máy chống nhiễm khuẩn, máy khử khuẩn không khí...

ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

HITACHI
Inspire the Next

FUJIFILM

Nemoto

ENDOMED
SYSTEMS



KONICA MINOLTA



SAKURA

PENTAX
MEDICAL



NOVAERUS

CÁC SẢN PHẨM ĐANG PHÂN PHỐI



1 - HỆ THỐNG CỘNG HƯỞNG TỪ

- 1. Trillium Oval 3T
- 2. Echelon Smart 1.5T
- 3. Oasis 1.2T
- 4. AIRIS Vento 0.3T
- 5. Echelon Oval 1.5T
- 6. APERTO Lucent 0.4T

2 - HỆ THỐNG CHỤP CẮT LỚP

- 7. Scenaria 64/128
- 8. Supria 16/32
- 9. Scenaria View
- 10. Supria 64/128





3 - HỆ THỐNG CHỤP X-QUANG

- 1. Exavista
- 2. Radnext 32
- 3. X-Buggy
- 4. Radnext 50

4 - MÁY IN PHIM

- 5. Máy in phim khô nhiệt Drypix Lite
- 6. Máy in phim khô laser Drypro model 873
- 7. Máy in phim khô laser Drypix Smart
- 8. Máy in phim khô laser Drypro model 832
- 9. Máy in phim khô laser Drypix Edge





1



2



3



4



5



6



7



8



9

5 - HỆ THỐNG ĐỌC VÀ XỬ LÝ HÌNH ẢNH X-QUANG CR

- 1. Regius Sigma II
- 2. FCR Prima T2
- 3. FCR Prima Tm
- 4. Regius model 210
- 5. Regius model 110/ 110 HQ
- 6. FCR Capsula XLII

6 - HỆ THỐNG ĐỌC VÀ XỬ LÝ HÌNH ẢNH X-QUANG DR

- 7. Aero DR P-61 (SKR 3000)
- 8. FDR D-EVO II G35
- 9. AeroDR P-41/AeroDR P-12/ AeroDR P-52



1



2



3



4



5



6



7



8



9

7 - MÁY SIÊU ÂM DẪN ĐƯỜNG

- 1. Sonimage HS1
- 2. Konica MX1
- 3. Đầu dò

8 - HỆ THỐNG NỘI SOI TIÊU HÓA

- 4. EPK-i7010
- 5. EPK-i5500c
- 6. Dây soi i10c

9 - MÁY KHỬ KHUẨN KHÔNG KHÍ

- 7. Protect 200
- 8. Protect 800
- 9. Defend 1050



1



2



3



4



5



6



7



8



9



10

10 - HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

1. Bồn rửa siêu âm US-201SAN
2. Máy rửa khử khuẩn siêu âm tích hợp làm khô WUS 3100DX
3. Máy rửa khử khuẩn SAKURA DEKO 260
4. Bồn rửa thủ công SS Series
5. Tủ sấy ống TUK 52
6. Dòng máy tiệt trùng nhiệt độ thấp plasma FINO
7. Tủ sấy dụng cụ SNK
8. Dòng máy hấp tiệt trùng hơi nước FDV
9. Dòng máy hấp tiệt trùng hơi nước VS
10. Dòng máy hấp tiệt trùng hơi nước LUMO

PHÂN PHỐI VẬT TƯ TIÊU HAO

Công ty là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm phim khô y tế của Fujifilm và Konica. Hiện Công ty đang cung cấp sản phẩm phim khô y tế của Fujifilm và Konica cho hầu hết các bệnh viện trên cả nước. Ngoài ra, Công ty còn là đại lý cung cấp các vật tư kiểm soát nhiễm khuẩn của Saraya và Dentalife tại Việt Nam. Công ty luôn là đối tác tin cậy trong lĩnh vực vật tư tiêu hao của các bệnh viện trên cả nước trong hơn 10 năm qua.

ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

FUJIFILM



SARAYA





1 - VẬT TƯ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

1. Neutral Detergent giấy ướt
2. Hospital Grade Disinfectant: giấy ướt
3. IPA 70% Clear and Blue: giấy ướt
4. Saracide: giấy ướt
5. Neutral Detergent can 5l
6. Hospital Grade Disinfectant: can 5l
7. IPA 70% Clear and Blue: can 5l
8. Apple Green can 5kg
9. Sanipaster S (L) 5kg
10. Neutral Detergent chai xịt
11. Hospital Grade Disinfectant: chai xịt
12. IPA 70% Clear and Blue: chai xịt
13. Cồn sát khuẩn tay nhanh Alsoft VB
14. Dụng cụ bơm dung dịch cồn sát khuẩn tự động GUD-1000BT
15. Dụng cụ bơm dung dịch xà phòng rửa tay cơ học MD-450



2 - CHỈ KHÂU

1. Chỉ phẫu thuật ADVALENE Polypropylene
2. Chỉ phẫu thuật ADVACRYL Polyglactin-910
3. Chỉ phẫu thuật ADVASYL Proteinaceous silk fibers called Fibroin
4. Chỉ phẫu thuật ADVALON Polyamide/ Nylon
5. Chỉ phẫu thuật ADVAMRYL Poliglecaprone 25
6. Chỉ phẫu thuật ADVAMRYL Poliglecaprone 25
7. Chỉ phẫu thuật ADVABOND Polyester
8. Chỉ phẫu thuật ADVABOND Polyester



3 - PHIM KHÔ Y TẾ

1. Fujifilm DI - HT
2. Fujifilm DI - HL
3. Konica SD - Q

ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA

Công ty là một trong những đơn vị đầu tiên hưởng ứng chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực Y tế thông qua mô hình kinh doanh liên kết với các bệnh viện đầu tư các trang thiết bị y tế thế mạnh như: máy cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính, máy chụp X-Quang... Mô hình hợp tác này giúp bệnh viện tiếp cận được máy móc công nghệ mới, giảm áp lực chi phí đầu tư ban đầu lớn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đem đến lợi ích cho bệnh nhân cũng như toàn xã hội.



DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Dịch vụ kỹ thuật là một trong những thế mạnh nổi bật của Công ty. Với đội ngũ kỹ sư được đào tạo chính hãng bài bản, chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, Công ty luôn chủ động trong việc hỗ trợ khách hàng khi có yêu cầu. Điều này giúp thiết bị luôn hoạt động ổn định, đẩy nhanh tốc độ xử lý sự cố, giảm thiểu áp lực và chi phí phát sinh do can thiệp chậm trễ, đem lại sự tin tưởng cho khách hàng. Hiện Công ty cung cấp các dịch vụ như: tư vấn thiết kế, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp linh kiện, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị...



PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

Công ty tự hào sở hữu số lượng xe khám lưu động lớn nhất Việt Nam. Với 15 xe khám được thiết kế chuyên dụng, trang bị máy móc hiện đại được nhập khẩu từ Nhật Bản và châu Âu như máy chụp cắt lớp vi tính, máy chụp X-Quang, máy chụp X-Quang nhũ, máy siêu âm... Công ty có thể đáp ứng nhu cầu khám sức khỏe định kỳ lên tới 3.500 lượt/ ngày cho các doanh nghiệp trên 64 tỉnh thành. Ngoài ra, Công ty còn là đối tác uy tín của nhiều dự án y tế cộng đồng như Chương trình phòng chống lao quốc gia đồng hành cùng Bệnh viện Phổi TW từ năm 2012 đến nay, các chương trình tầm soát ung thư vú đồng hành cùng Bệnh viện K và Quỹ Ngày mai tươi sáng từ năm 2018.

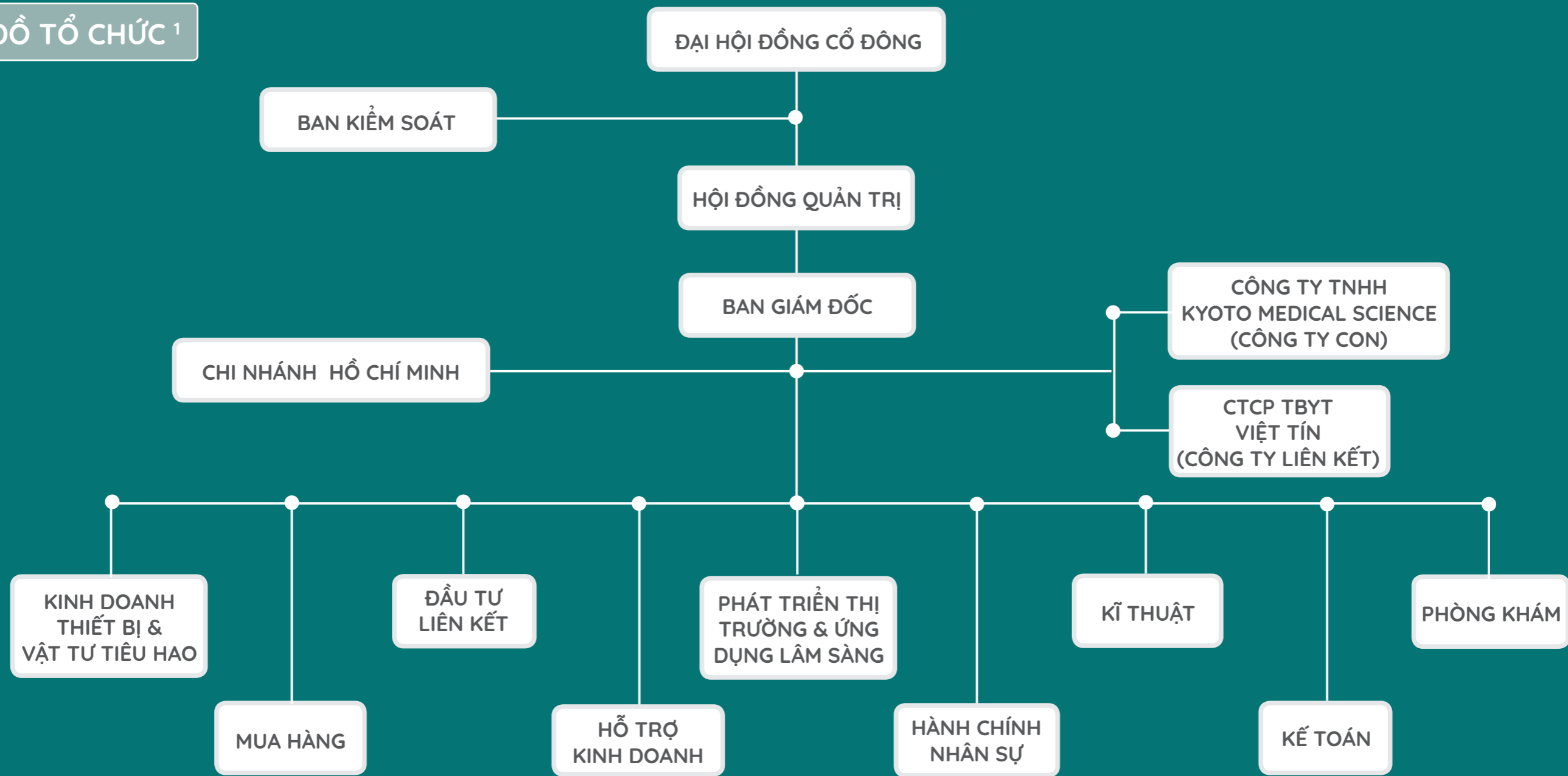




CƠ CẤU TỔ CHỨC & BỘ MÁY QUẢN LÝ

¹ Công ty TNHH Kyoto Medical Science: trụ sở tại Hà Nội; lĩnh vực kinh doanh chính: Bán bán thiết bị, dụng cụ thiết bị y tế; vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng; tỷ lệ nắm giữ: 100%

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ¹



BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **HOSONO KYOHEI**
Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm từ 10/2018

- **Trình độ:** Sau Đại học
- **Chuyên môn:** Chính sách công
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại Dream Incubator Inc (Tokyo, Nhật Bản) và Dream Incubator Việt Nam
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Giám đốc điều hành Dream Incubator Inc (Tokyo, Nhật Bản)

Ông **NGUYỄN THẾ HƯỜNG**

Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016)

- **Trình độ:** Thạc sĩ
- **Chuyên môn:** Quản lý tài chính
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty CP Truyền thông GAPIT, Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Quốc Huy

Bà **VŨ THỊ THÚY HẰNG**

Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 07/2019)

- **Trình độ:** Thạc sĩ
- **Chuyên môn:** Tài chính, Quản trị kinh doanh
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công ty CP Dream Incubator Việt Nam, Công ty CP TBYT Việt Nhật.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** không có

Ông **NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016)

- **Trình độ:** Thạc sĩ
- **Chuyên môn:** Kế toán - Kiểm toán, Quản trị kinh doanh
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam, Công ty TNHH Servier Việt Nam, Công ty TNHH Innoviet.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Giám đốc điều hành Công ty TNHH Scivi

Bà **NGUYỄN THỊ THANH THẢO**

Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm từ 09/2016)

- **Trình độ:** Thạc sĩ
- **Chuyên môn:** Kế toán - Kiểm toán
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Phó giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư Nam Long



Bà **VŨ THỊ THÚY HẰNG**

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 08/2018)

- **Trình độ:** Thạc sĩ
- **Chuyên môn:** Tài chính, Quản trị kinh doanh
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Công ty CP Dream Incubator Việt Nam, Công ty CP TBVT Việt Nhật.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Không có

Bà **LƯƠNG KIM THANH**

Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm từ 10/2018)

- **Trình độ:** Sau đại học
- **Chuyên môn:** Tài chính
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty CP Dream Incubator Vietnam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Không có



Bà **VƯƠNG VÂN ANH**

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 04/2018)

- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chuyên môn:** Kinh tế doanh nghiệp, Tài chính kế toán
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam, Công ty CP Dream Incubator Việt Nam, Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Không có

Ông **BÙI KHANG**

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 12/2018)

- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chuyên môn:** Luật sư
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH Kyoto Medical Science Việt Nam

Bà **ĐẶNG THỊ HÀ GIANG**

Thành viên BKS (bổ nhiệm từ 09/2016)

- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chuyên môn:** Kinh tế
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại: CTCP Quảng cáo trực tuyến 24h, CTCP TBVT Việt Nhật.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** Không có

Ông **NGÔ VĂN HÙNG**

Thành viên BKS (bổ nhiệm từ 09/2016)

- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chuyên môn:** Kế toán
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm tại: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Thành Quang, công ty CP TBVT Việt Nhật.
- **Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:** không có

02

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

NĂM 2019



BÁO CÁO

CỦA HĐQT

VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐỀ RA CHO NĂM 2019

HĐQT đã xem xét, phê duyệt, chỉ đạo triển khai hoạt động kinh doanh như sau:

- Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong các dòng sản phẩm, hoạt động kinh doanh truyền thống như thiết bị và vật tư tiêu hao chẩn đoán hình ảnh, hoạt động liên doanh liên kết, dịch vụ kỹ thuật... Doanh thu thuần 2019: 517.172.861.928 đồng, đạt 74% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2019;
- Ngoài ra, Công ty đã và đang nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm và bước đầu đạt được kết quả tốt, ghi nhận doanh thu với dòng sản phẩm mới là thiết bị và vật tư tiêu hao kiểm soát nhiễm khuẩn. Các sản phẩm khác có thể đóng góp vào doanh thu trong thời gian tới có thể kể đến: thiết bị nội soi, vật tư chỉ khâu phẫu thuật...;
- Tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế 2019 chỉ đạt 2.796.028.877 đồng, tương đương 16% so với kế hoạch của ĐHCĐ 2019 do những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid - 19 đến khả năng và tiến độ thanh toán công nợ của các khách hàng;
- Mặt khác, Công ty đã đạt được một số thành tích thu hồi công nợ khó đòi, cụ thể Công ty đã thu hồi được 1,7 tỷ công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ;
- Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư 19 tỷ mua sắm tài sản cố định phục vụ mở rộng hoạt động kinh doanh liên doanh liên kết mới tại 03 bệnh viện;

VỀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với BGD thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn tại các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến, thông qua thư điện tử, điện thoại về tình hình triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quản trị doanh nghiệp đã được ĐHCĐ phê chuẩn và việc triển khai các nghị quyết của HĐQT;
- BGD đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, cơ bản hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính đã đề ra, đồng thời, đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty;
- Hệ thống báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành;
- Hệ thống báo cáo quản trị được lập đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả quản trị;
- BGD đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý giải quyết các vấn đề pháp lý và công nợ tồn đọng; rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết. Tuy còn gặp phải nhiều khó khăn khách quan, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, nỗ lực của BGD được HĐQT ghi nhận và đánh giá rất cao;
- BGD đã đề xuất kiện toàn bộ máy quản lý cho HĐQT, đồng thời, xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh, thực hiện tốt công tác đánh giá, đãi ngộ nhân viên công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý, cạnh tranh;
- Các thành viên BGD đều sở hữu năng lực và kỹ năng quản lý cấp cao và không ngừng trau dồi, hoàn thiện thêm.

PHƯƠNG HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2019

HĐQT đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau: doanh thu thuần 570 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 10 tỷ đồng.

HĐQT sẽ chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

- Hướng tới trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu;
- Tiếp tục xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu quả; hoàn thiện các quy chế, quy trình; hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực;
- Tăng cường đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động; xây dựng văn hóa Công ty.
- Xử lý dứt điểm các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.

“ Mục tiêu kinh doanh năm 2020: doanh thu thuần 570 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 10 tỷ đồng. ”

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số buổi họp được tổ chức giai đoạn từ 01/04/2019 đến 31/03/2020

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ	LÝ DO
1	Hosono Kyohei	Chủ tịch HĐQT	23/10/2018	14	100%	
2	Nguyễn Thế Hường	Thành viên HĐQT	30/09/2016	02	14%	Đi công tác
3	Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	30/09/2016	14	100%	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	30/09/2016	14	100%	
5	Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên HĐQT	19/07/2019	10	100%	Bổ nhiệm từ 19/7/19

Các Nghị Quyết/ Quyết định của HĐQT (giai đoạn từ 01/04/2019 đến 31/03/2020)

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
1	1604/2019/NQ- HĐQT	16/04/2019	Phê duyệt cơ chế thưởng Ban lãnh đạo.
2	2404/2019/ NQ-HĐQT	24/04/2019	Phê duyệt kế hoạch bán thanh lý và mua sắm tài sản cố định
3	2604/2019/ NQ-HĐQT	26/04/2019	Phê duyệt kế hoạch bán thanh lý và mua sắm tài sản cố định
4	0606/2019/ NQ-HĐQT	06/06/2019	Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
5	2207/2019/ NQ-HĐQT	22/07/2019	Phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản cố định.
6	1409/2019/NQ- HĐQT	14/09/2019	Phê duyệt cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
7	2009/2019/ NQ-HĐQT	20/09/2019	Phê duyệt kế hoạch cho hoạt động tri ân khách hàng, đối tác
8	0310/2019/NQ- HĐQT	03/10/2019	Phê duyệt chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán BCTC năm 2019
9	1810/2019/NQ- HĐQT	18/10/2019	Phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản cố định
10	1811A/2019/ NQ-HĐQT	18/11/2019	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
11	1811B/2019/ NQ-HĐQT	18/11/2019	Phê duyệt Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Kyoto Medical Science
12	2612/2019/NQ- HĐQT	26/12/2019	Phê duyệt đầu tư mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
13	0901/2020/ NQ-HĐQT	09/01/2020	Phê duyệt Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Kyoto Medical Science
14	14/02/2020/ NQ-HĐQT	12/10/2018	Phê duyệt phương án tổ chức nhân sự Công ty.

- **Hoạt động của các tiểu ban HĐQT:** Hiện nay HĐQT chưa thành lập các tiểu ban.
- **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:** Ông Nguyễn Thế Hường, ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Thanh Thảo là 03 thành viên HĐQT độc lập tại Công ty. Các thành viên HĐQT độc lập này đều đưa ra các ý kiến xác thực, có chuyên môn, thể hiện kiến thức, năng lực và kinh nghiệm của mình.

Các vấn đề quản trị khác của Công ty

- **Lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:** 5.330.442.808 VND
- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, BGD và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh của ĐHDCĐ 2019 và chỉ đạo của HĐQT, đạt 74% chỉ tiêu doanh thu hợp nhất và 16% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất. BGD báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 như sau:

1 - TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2019 (Bảng 2 và 3) có sự giảm sút đáng kể so với năm 2018. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 517,2 tỷ, giảm 16% so với năm 2018; lợi nhuận sau thuế đạt 2,8 tỷ, giảm 76% so với năm 2018. Lợi nhuận biến động chủ yếu do các chi phí bán hàng nhằm triển khai các dòng sản phẩm mới và chi phí quản lý đến từ dự phòng công nợ khó đòi phát sinh từ các đối tác bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh vào cuối năm. Các chỉ số tài chính năm 2019 khả quan và an toàn (cụ thể tại Bảng 4).

BẢNG 2 Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	% TĂNG GIẢM
1	Doanh thu thuần	615.074.047.088	517.172.861.928	-16%
2	Lợi nhuận trước thuế	12.126.540.774	2.731.511.597	
3	Lợi nhuận sau thuế	11.445.660.829	2.796.028.877	-76%
4	Tổng tài sản	701.946.900.641	637.857.268.587	-9%
5	Tổng nợ phải trả	173.364.756.519	106.479.095.588	-39%
6	Vốn chủ sở hữu	528.582.144.122	531.378.172.999	1%

BẢNG 3 Nguyên nhân tăng giảm lợi nhuận (Đơn vị: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2018	2019	% TĂNG GIẢM	GHI CHÚ
Doanh thu thuần	615.074	517.173	-16%	Biến động do (1) doanh thu kinh doanh thiết bị y tế 2019 quay trở lại mức thông thường sau dự án NORRED năm 2018; (2) doanh thu từ kinh doanh vật tư tiêu hao và đầu tư liên kết giảm do dịch bệnh bùng phát vào quý IV, người dân có thời gian hạn chế khám chữa bệnh trừ trường hợp khẩn cấp.
Giá vốn	506.977	408.115	-20%	Biến động do giảm giá vốn tương ứng với giảm doanh thu thiết bị y tế và vật tư tiêu hao.
Doanh thu tài chính	4.861	3.796	-22%	Biến động do giảm lãi từ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
Chi phí tài chính	3.354	513	-85%	Biến động do (1) giảm chi phí lãi vay; (2) giảm lỗ từ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
Thu nhập khác	13.520	13.462	0%	
Chi phí khác	3.456	2.198	-36%	Biến động do giảm tiền thuế truy thu và lãi chậm nộp.
Chi phí bán hàng	72.442	80.945	12%	Biến động do tăng chi phí triển khai các dòng sản phẩm mới.
Chi phí quản lý DN	35.099	39.928	14%	Biến động do tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
LNTT	12.127	2.732	-77%	

BẢNG 4 Các chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,2	3,9
	Hệ số thanh toán nhanh	1,4	2,4
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,2	0,2
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,3	0,2
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3	Vòng quay hàng tồn kho	66	107
	Vòng quay các khoản phải thu	68	82
	Vòng quay các khoản phải trả	63	70
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	90%	81%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,9%	0,5%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,2%	0,5%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,6%	0,4%

2 - KINH DOANH

BẢNG 5 Cơ cấu doanh thu thuần (Đơn vị tính: tỷ đồng)

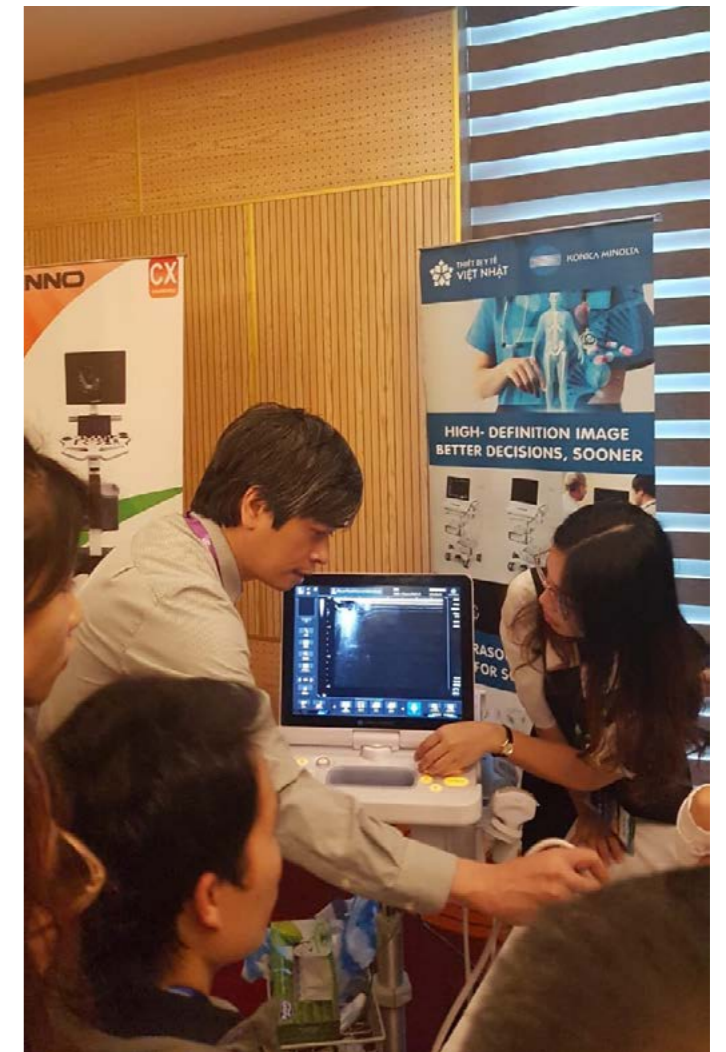
STT	LĨNH VỰC	NĂM		% THÀNH PHẦN		% TĂNG GIẢM
		2018	2019	2018	2019	
1	Kinh doanh thiết bị	191,5	104,9	31%	20%	-45%
2	Kinh doanh vật tư tiêu hao	251,5	239,3	41%	46%	-05%
3	Đầu tư liên kết	132,7	135,4	22%	26%	02%
4	Kỹ thuật	22,8	22,7	4%	4%	-04%
5	Phòng khám	16,7	14,9	3%	3%	-11%

Hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty cụ thể như sau:

- **Kinh doanh thiết bị y tế:** Doanh thu 2019 giảm đáng kể 45% so với năm 2018 do năm trước Công ty có những dự án lớn như NORRED và JICA. Trong năm 2019, bên cạnh mảng thiết bị chẩn đoán hình ảnh truyền thống, Công ty đã có những bước đầu tích cực trong việc phát triển mảng thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn;
- **Kinh doanh vật tư tiêu hao:** Doanh thu mảng phim chụp y tế thu giảm nhẹ so với năm 2018 do sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 trong Quý 4 năm 2019 ảnh hưởng đến nhu cầu khám chữa bệnh của người dân;
- **Đầu tư liên kết:** Doanh thu không biến động nhiều so với năm 2018 do ảnh hưởng trái chiều của doanh thu tăng từ các dự án liên kết mới và doanh thu giảm từ nhu cầu khám chữa bệnh Quý 4 sụt giảm đột ngột;
- **Kỹ thuật:** Doanh thu không biến động nhiều so với năm 2018;
- **Phòng khám:** Doanh thu cung cấp dịch vụ khám bệnh lưu động giảm 11% do nhu cầu khám chữa bệnh Quý 4 sụt giảm;

3 - MARKETING

- Ngoài việc duy trì quảng bá các sản phẩm nòng cốt trong mảng Chẩn đoán hình ảnh, Công ty đầu tư đẩy mạnh thương hiệu của các hãng mới và dòng sản phẩm mới phục vụ Kiểm soát nhiễm khuẩn, Gây mê hồi sức...;
- Công ty tham gia nhiều hội nghị, hội thảo, sự kiện, hoạt động chuyên môn quan trọng của ngành Y tế: Hội thảo quốc tế về Gây tê vùng châu Á (RA-Asia) lần thứ 9; Hội nghị Trang thiết bị y tế toàn quốc 2019, Hội nghị Gây mê hồi sức toàn quốc 2019, Hội nghị Siêu âm toàn quốc lần thứ 4;



Bác sĩ Bùi Văn Giang (Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện K3) dùng thử Sonimage HS1 khi ghé thăm gian hàng của Việt Nhật tại Hội nghị siêu âm toàn quốc lần thứ 4 (Tháng 01/2020 - Đà Nẵng)



Bác sĩ Vũ Hải Thanh (Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện Việt Đức) đánh giá Sonimage HS1 mang lại chất lượng hình ảnh tốt, thiết kế máy nhỏ gọn, rất tiện lợi khi di chuyển và thao tác khi dùng thử máy tại Hội nghị siêu âm toàn quốc lần thứ 4 (Tháng 01/2020 - Đà Nẵng)

4 - NHÀ CUNG CẤP

- Nổi bật nhất trong năm 2019, JVC trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm máy khử khuẩn không khí Novaerus, vật tư kiểm soát nhiễm khuẩn Saraya, Dentalife;
- Để có được những thành quả nhất định ngày hôm nay, không thể phủ nhận sự tin tưởng và hỗ trợ tối đa các nguồn lực, cùng JVC thúc đẩy hoạt động kinh doanh một cách bài bản, chuyên nghiệp và bền vững của các nhà cung cấp như: Hitachi, Fujifilm, Konica Minolta, Sakura Seiki, Nemoto, DRGEM, Novaerus, Saraya, Dentalife;



Việt Nhật tiếp đón Chủ tịch tập đoàn Sakura Global & lãnh đạo Sakura Seiki đến thăm và làm việc tại trụ sở Hà Nội

5 - GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TỒN ĐỘNG VỀ PHÁP LÝ VÀ CÔNG NỢ

- Công ty đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý thực hiện các công việc rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết;
- Công ty hiện đã thu hồi thêm 1,7 tỷ công nợ cũ, khó đòi, đã trích lập dự phòng qua các thời kỳ;
- Công ty hiện đã thắng kiện 01 đơn vị có công nợ khó đòi lớn tại tòa án dân sự có thẩm quyền và hiện đang trong quá trình thực hiện thi hành án;

Ngày 10/09/2019 tại trụ sở công ty ở Hà Nội đã diễn ra cuộc họp thường niên giữa Hitachi Healthcare Nhật Bản và Việt Nhật

PHƯƠNG HƯỚNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

1 - VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau: doanh thu thuần 570 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 10 tỷ đồng.
- Định hướng chung của Công ty là trở thành đối tác tin cậy cung cấp thiết bị, vật tư, giải pháp, dịch vụ đa dạng, toàn diện cho khách hàng; đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu;
- Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị và vật tư tiêu hao, Công ty sẽ tập trung vào tìm kiếm và triển khai quyết liệt các dòng sản phẩm mới;
- Đối với hoạt động đầu tư liên kết, Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển;
- Đối với dịch vụ kỹ thuật, Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị y tế;
- Đối với dịch vụ khám sức khỏe lưu động, Công ty tiếp tục mô hình khám phối hợp cùng các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa hàng đầu, mở rộng loại hình dịch vụ và đối tượng khách hàng;

2 - VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Để hướng đến tự động hóa việc thực hiện quy trình, quản lý và hoạch định nguồn lực;
- Tiếp tục tăng cường đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng; xây dựng văn hóa Công ty; chăm lo đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động;
- Tiếp tục xử lý các tồn đọng về tài chính, công nợ, pháp lý.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của cả 03 thành viên, bao gồm các nội dung:

- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán bao gồm việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Giám sát thủ tục ban hành, nội dung và việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, báo cáo tài chính tự lập năm 2019 của Công ty;
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động của HĐQT: HĐQT đã thực hiện tốt trách nhiệm quản lý theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ. Trong năm 2019 HĐQT đã tổ chức họp 14 lần; tất cả các cuộc họp Ban Kiểm soát đều được mời dự và đóng góp ý kiến. Nội dung chủ yếu của các nghị quyết HĐQT liên quan đến định hướng kinh doanh, phương án tổ chức Công ty, phê duyệt các hợp đồng với đơn vị liên quan, các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị, điều hành công ty. Các nghị quyết tuân thủ các thủ tục, quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, bám sát chủ trương của ĐHĐCĐ.

Hoạt động của Ban Giám đốc: Ngoài những nỗ lực trong điều hành kinh doanh, BGD thực hiện tốt các trách nhiệm quản trị khác, cụ thể:

- **Về công tác tài chính:** Chấp hành tốt các quy định về tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố BCTC;
- **Về công tác kiểm soát nội bộ:** Tiếp tục hoàn thiện và duy trì có nề nếp việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình;
- **Về công tác nhân sự:** đề xuất và triển khai phương án tổ chức Công ty, tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động;
- **Về giải quyết các vấn đề tồn đọng:** Bước đầu đạt được kết quả thu hồi 1,7 tỷ công nợ khó đòi, đồng thời quyết liệt trong việc tiếp tục thu hồi công nợ khó đòi, giải quyết các vấn đề pháp lý.

Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT và Ban Giám đốc: Ban Kiểm soát đã lập và triển khai các kế hoạch giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc; phối hợp cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Ban Giám đốc luôn đảm bảo quyền của Ban Kiểm soát trong việc tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Giám sát và đánh giá hoạt động tài chính, kế toán của Công ty:

Công ty đã tổ chức tốt công tác tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố các BCTC quý, 6 tháng và cả năm, tuân thủ chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật. Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2019. Ban Kiểm soát nhận định BCTC năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31/03/2020, phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật. Các chính sách kế toán được lựa chọn và áp dụng nhất quán, các vấn đề chi tiết được trình bày trong thuyết minh BCTC rõ ràng, đầy đủ.

Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu và giải trình được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của Ban Giám đốc trình ĐHĐCĐ. Năm 2019, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn, năng lực hoạt động đạt mức ổn định, an toàn; riêng các chỉ tiêu về khả năng sinh lời còn thấp, cần cải thiện thêm. Chi tiết cổ đông vui lòng tham khảo Báo cáo của HĐQT và Báo cáo của Ban Giám đốc.

Vấn đề còn tồn tại:

- Việc đánh giá tác động của dịch bệnh Covid - 19 đến khả năng thu hồi công nợ phải thu khách hàng do nhiều yếu tố khách quan nên thực hiện chưa kịp thời, dẫn đến việc trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC chậm trễ.
- Một số khoản công nợ khó đòi mặc dù đã được trích lập dự phòng nhưng việc thu hồi, khởi kiện, thậm chí là thi hành án thực tế còn nhiều khó khăn.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ tình hình tài chính, công tác kế toán tài chính, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm;
- Sâu sát hoạt động các phòng ban, bộ phận trong Công ty, từ đó đề xuất HĐQT và Ban Giám đốc điều chỉnh kịp thời nhằm quản lý hiệu quả và phòng ngừa rủi ro.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

1 - RỦI RO CẠNH TRANH

- **Chi tiết rủi ro:** Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều có nhiều nhà cung cấp tham gia, tạo ra sự cạnh tranh cao;
- **Biện pháp kiểm soát:** BGD luôn luôn đôn đốc cập nhật thường xuyên thông tin thị trường, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp, tạo điều kiện để Công ty và nhà cung cấp chia sẻ nguồn lực, thông tin, góp phần ứng phó kịp thời, củng cố và phát triển lợi thế cạnh tranh.

2 - RỦI RO CÔNG NGHỆ

- **Chi tiết rủi ro:** Thiết bị y tế là lĩnh vực công nghệ với áp lực đổi mới, cập nhật bắt kịp với sự phát triển của công nghệ;
- **Biện pháp kiểm soát:** Các đề xuất thường xuyên được BGD đưa ra với nhà cung cấp trong việc nghiên cứu và phát triển công nghệ, nhằm triển khai các công nghệ và sản phẩm mới tại thị trường Việt Nam.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

3 - RỦI RO PHÁP LÝ

- **Chi tiết rủi ro:** Lĩnh vực y tế là lĩnh vực có nhiều quy định liên quan đến nhập khẩu, kinh doanh thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ khám bệnh, đầu tư xã hội hóa,... Các quy định này có thể thay đổi, do đó tiềm ẩn nhiều rủi ro;
- **Biện pháp kiểm soát:** BGD thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro, bao gồm: phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới thông qua các hình thức như thư điện tử, đào tạo nội bộ ...; hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa thành các văn bản hướng dẫn, biểu mẫu, khung hợp đồng mẫu ...; chú trọng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của chuyên viên pháp chế thông qua kinh nghiệm thực tiễn, các khóa đào tạo nghiệp vụ.

03

ĐỊNH HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2020



- **Đối với hoạt động kinh doanh thiết bị y tế và vật tư tiêu hao:** Công ty định hướng mở rộng sản phẩm để cung ứng toàn diện, cả giải pháp, trang thiết bị và vật tư tiêu hao cho các khoa phòng chuyên môn như: khoa chẩn đoán hình ảnh, khoa thăm dò chức năng, khoa gây mê hồi sức, phòng mổ và khoa kiểm soát nhiễm khuẩn;
- **Đối với hoạt động đầu tư liên kết:** Công ty sẽ đẩy mạnh triển khai các dự án liên doanh liên kết mới dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả và tiềm năng phát triển;
- **Đối với dịch vụ kỹ thuật:** Công ty hướng đến tăng cường chất lượng dịch vụ sau bán hàng thông qua các hợp đồng bảo hành, bảo trì thiết bị y tế;
- **Đối với dịch vụ khám sức khỏe lưu động:** Công ty sẽ triển khai các mô hình khám mới với sự phối hợp cùng các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa hàng đầu, mở rộng loại hình dịch vụ và đối tượng khách hàng.



04

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019)

Ban Giám đốc

Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Wương Vân Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

112
ÔNG
TINH
LO
IẾT
ĐA

Số: **0101** /VN1A-HN-BC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 6 năm 2020, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 06, Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền 59.314.807.118 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là 59.314.807.118 đồng, 14.944.250.000 đồng và 16.699.616.839 đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu, trả trước và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và tạm ứng nói trên cũng như tính chính xác của giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập nêu trên ở niên độ trước. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các số dư này và các khoản dự phòng liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 6 năm 2020
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
 toán số 2737-2018-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬTTầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.527.899.494	325.063.921.249
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.374.366.307	40.807.505.332
1. Tiền	111		9.074.366.307	15.307.505.332
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.300.000.000	25.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.000.000.000	550.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	11.000.000.000	550.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.310.866.258	164.893.974.766
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	498.835.188.012	501.068.293.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	322.125.054.912	334.860.669.184
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	515.228.709.194	515.297.526.698
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.195.877.328.360)	(1.187.331.756.951)
IV. Hàng tồn kho	140	10	123.159.626.325	116.950.382.502
1. Hàng tồn kho	141		165.079.842.297	159.181.460.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.920.215.972)	(42.231.077.729)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.683.040.604	1.862.058.649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.354.265.892	782.743.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		968.779.634	1.026.365.698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	359.995.078	52.949.725

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬTTầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		319.329.369.093	376.882.979.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.748.846.924	2.998.435.887
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.748.846.924	2.998.435.887
II. Tài sản cố định	220		288.141.406.330	346.087.540.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	287.789.207.196	345.476.915.191
- Nguyên giá	222		860.578.337.587	858.882.446.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(572.789.130.391)	(513.405.531.240)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	352.199.134	610.625.214
- Nguyên giá	228		923.000.480	923.000.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(570.801.346)	(312.375.266)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	10.347.850.300	10.463.183.584
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.347.850.300	10.463.183.584
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.520.000.000	2.520.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	17	4.520.000.000	2.520.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.571.265.539	14.813.819.516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.444.550.978	14.751.622.235
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		126.714.561	62.197.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		637.857.268.587	701.946.900.641

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		106.479.095.588	173.364.756.519
I. Nợ ngắn hạn	310		81.697.385.416	148.220.555.690
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	49.538.681.349	107.201.920.937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.937.297.264	12.084.413.972
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	303.909.416	448.306.820
4. Phải trả người lao động	314		62.659.805	19.628.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	24.334.147.777	26.516.729.322
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.057.567.838	1.449.555.994
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	500.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.463.121.967	-
II. Nợ dài hạn	330		24.781.710.172	25.144.200.829
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	24.781.710.172	25.144.200.829
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		531.378.172.999	528.582.144.122
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	531.378.172.999	528.582.144.122
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.015.123.101.103)	(1.017.919.129.980)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.017.919.129.980)	(1.029.364.790.809)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.796.028.877	11.445.660.829
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		637.857.268.587	701.946.900.641

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Vương Vân Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	519.305.001.531	615.236.373.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.132.139.603	162.325.934
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	517.172.861.928	615.074.047.088
4. Giá vốn hàng bán	11	25	408.115.254.687	506.977.271.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		109.057.607.241	108.096.776.007
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.796.522.045	4.861.366.571
7. Chi phí tài chính	22	28	513.313.604	3.353.927.581
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.038.195	1.140.073.550
8. Chi phí bán hàng	25	29	80.944.864.483	72.441.891.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	39.928.425.776	35.099.019.816
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(8.532.474.577)	2.063.304.089
11. Thu nhập khác	31	30	13.461.931.635	13.519.559.426
12. Chi phí khác	32	31	2.197.945.461	3.456.322.741
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		11.263.986.174	10.063.236.685
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.731.511.597	12.126.540.774
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	665.730.403
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(64.517.280)	15.149.542
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.796.028.877	11.445.660.829
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33		102

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Vương Vân Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.731.511.597	12.126.540.774
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	78.199.119.629	71.376.914.643
Các khoản dự phòng	03	9.697.831.619	2.375.022.066
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	199.851.529	1.581.709.608
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.980.118.602)	(1.711.798.803)
Chi phí lãi vay	06	9.038.195	1.140.073.550
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	88.857.233.967	86.888.461.838
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.068.661.493	(34.263.796.970)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.898.382.066)	(50.702.006.846)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(68.048.634.427)	44.577.580.863
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	735.548.591	9.431.507.603
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.038.195)	(1.281.671.139)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(567.683.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.705.389.363	54.082.391.356
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22.454.532.515)	(31.616.362.836)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.595.595.000	479.952.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(3.070.000.000)
4. Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24	550.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.670.409.127	1.476.072.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.638.528.388)	(32.730.338.573)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	14.721.713.218
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(15.721.713.218)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(19.394.493.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(500.000.000)	(20.394.493.939)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(433.139.025)	957.558.844
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.807.505.332	39.849.946.488
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	40.374.366.307	40.807.505.332


Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu


Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng


Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 203 người (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 222 người).

Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong ngành y.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra

các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy, cài tạo, sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty và công ty con có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập (nếu có) của những năm tiếp theo, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.190.009.000	3.234.028.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.884.357.307	12.073.477.152
Các khoản tương đương tiền (i)	31.300.000.000	25.500.000.000
	40.374.366.307	40.807.505.332

(i) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,75% đến 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, lãi suất 6,9%/năm, lãi trả cuối kỳ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Thương mại Hường Đông	107.340.812.353	107.340.812.353
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
- Khách hàng khác	293.589.750.046	295.822.855.369
	498.835.188.012	501.068.293.335

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm 59.314.807.118 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 59.314.807.118 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	36.635.000.000
- Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Các đối tượng khác	44.306.365.277	57.041.979.549
	322.125.054.912	334.860.669.184

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm 14.944.250.000 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 14.944.250.000 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản trả trước nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	515.228.709.194	515.297.526.698
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	95.658.606.487	95.582.962.140
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.256.442.952	7.256.442.952
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	1.033.593.750
- Ký quỹ ngắn hạn	452.480.000	2.156.361.097
- Phải thu khác	5.271.101.405	3.711.682.159
b. Dài hạn	2.748.846.924	2.998.435.887
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.664.970.639	2.386.259.602
- Ký quỹ dài hạn	1.083.876.285	612.176.285
	517.977.556.118	518.295.962.585

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị các khoản phải thu khác này do đánh giá không còn khả năng thu hồi.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm 16.699.616.839 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 16.699.616.839 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	396.453.791.870	8.912.771.928	403.794.504.213	24.799.055.680
Công ty TNHH Thương mại Hưởng Đông	107.340.812.353	-	107.340.812.353	-
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	-	97.904.625.613	-
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	33.792.574.163	-
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	28.031.022.362	-
Công ty TNHH một thành viên 16A	26.948.625.601	-	26.948.625.601	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	10.797.500.000	-
Các đối tượng khác	91.638.631.778	8.912.771.928	98.979.344.121	24.799.055.680
Trả trước cho người bán ngắn hạn	299.028.576.765	-	299.028.576.765	-
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	190.230.906.514	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	36.635.000.000	-
Nishimura Medical Instrument Co., Ltd	29.872.783.121	-	29.872.783.121	-
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-	21.080.000.000	-
Gold Lite Pte. Ltd	14.851.200.000	-	14.851.200.000	-
Các đối tượng khác	6.358.687.130	-	6.358.687.130	-
Phải thu ngắn hạn khác	510.586.262.734	2.277.773.581	510.605.955.838	2.297.466.685
Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ	403.295.265.000	-	403.295.265.000	-
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	97.169.543.850	16.553.981	97.169.543.850	36.247.085
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9.517.662.552	2.261.219.600	9.517.662.552	2.261.219.600
Các đối tượng khác	603.791.332	-	623.484.436	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500	-	999.242.500	-
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	-	999.242.500	-
	1.207.067.873.869	11.190.545.509	1.214.428.279.316	27.096.522.365

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	13.067.745.256	-	50.142.439.215	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	992.020.037	-	-	-
Hàng hoá	145.547.910.903	(41.920.215.972)	100.653.768.059	(42.231.077.729)
Hàng gửi bán	5.472.166.101	-	8.385.252.957	-
	165.079.842.297	(41.920.215.972)	159.181.460.231	(42.231.077.729)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.207.476.499 đồng (năm trước: 1.938.514.984 đồng) do Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này thấp hơn so với giá ghi sổ. Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.518.338.256 đồng (năm trước: 1.494.737.946 đồng) do Công ty đã bán hoặc xử lý được các hàng hóa đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a. Ngắn hạn	1.354.265.892	782.743.226		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	726.441.167	367.032.950		
- Các khoản khác	627.824.725	415.710.276		
b. Dài hạn	13.444.550.978	14.751.622.235		
- Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy	11.044.056.353	9.806.818.269		
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.134.531.037	2.769.555.285		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.042.543.284	1.265.448.191		
- Các khoản khác	223.420.304	909.800.490		
	14.798.816.870	15.534.365.461		

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	829.742.066.216	28.598.963.559	541.416.656	858.882.446.431
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.920.620.126	3.649.245.673	-	22.569.865.799
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(16.167.345.479)	(4.706.629.164)	-	(20.873.974.643)
Số dư cuối năm	832.495.340.863	27.541.580.068	541.416.656	860.578.337.587
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	495.378.932.267	17.755.817.465	270.781.508	513.405.531.240
Khấu hao trong năm	75.391.403.351	2.470.303.453	78.986.745	77.940.693.549
Thanh lý nhượng bán trong năm	(15.708.424.897)	(2.848.669.501)	-	(18.557.094.398)
Số dư cuối năm	555.061.910.721	17.377.451.417	349.768.253	572.789.130.391
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	334.363.133.949	10.843.146.094	270.635.148	345.476.915.191
Tại ngày cuối năm	277.433.430.142	10.164.128.651	191.648.403	287.789.207.196

Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 15.108.947.351 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 41.793.809.072 đồng) để đảm bảo cho các hợp đồng hạn mức vay, bảo lãnh với ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 185.325.740.427 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 175.742.550.403 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	923.000.480
Số dư cuối năm	923.000.480
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	312.375.266
Khấu hao trong năm	258.426.080
Số dư cuối năm	570.801.346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	610.625.214
Số dư cuối năm	352.199.134

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án máy MRI Aperto Lucent lắp đặt cho thuê	10.239.353.300	-
- Dự án máy CT 32 lát Supria liên kết	-	3.944.737.850
- Dự án máy CT 32 lát Supria cho xe khám lưu động	-	5.017.026.762
- Các dự án khác	108.497.000	1.501.418.972
	10.347.850.300	10.463.183.584

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	750.000.000

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín, do đó, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày theo giá gốc. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư này do đánh giá không còn khả năng thu hồi.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (i)	110.750.000.000	110.750.000.000
	110.750.000.000	110.750.000.000

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư này do đánh giá không còn khả năng thu hồi.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

17. ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

Thể hiện giá trị của trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành, được Công ty nắm giữ, bao gồm:

- 252 trái phiếu phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018, với mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 7 năm đến ngày 19 tháng 12 năm 2025. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, lãi trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8%/năm. Lãi trả sau, được thanh toán định kỳ một năm một lần.
- 2 trái phiếu phát hành ngày 30 tháng 12 năm 2019, với mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 6 năm đến ngày 30 tháng 12 năm 2025. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, lãi trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1,4%/năm. Lãi trả sau, được thanh toán định kỳ một năm một lần.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	21.807.192.000	21.807.192.000	73.945.811.250	73.945.811.250
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	18.203.896.771	18.203.896.771	28.598.334.236	28.598.334.236
- Konica Minolta. Inc.	6.409.838.563	6.409.838.563	286.958.103	286.958.103
- Các đối tượng khác	3.117.754.015	3.117.754.015	4.370.817.348	4.370.817.348
	49.538.681.349	49.538.681.349	107.201.920.937	107.201.920.937

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Nộp thừa	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Nộp thừa	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	20.345.334	10.288.529.577	10.277.663.553	-	31.211.358
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.038.769.135	1.038.769.135	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.949.725	-	-	-	52.949.725	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	427.961.486	6.177.475.559	6.639.784.340	307.045.353	272.698.058
Thuế khác	-	-	842.664.817	842.664.817	-	-
	52.949.725	448.306.820	18.347.439.088	18.798.881.845	359.995.078	303.909.416

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	7.254.366.398	15.425.942.784
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	6.495.918.187	3.150.642.297
- Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	5.839.777.105	5.647.823.408
- Trích trước chi phí bảo trì	1.073.769.282	363.765.780
- Trích trước chi phí thưởng	640.000.000	1.502.030.000
- Các khoản trích trước khác	3.030.316.805	426.525.053
	24.334.147.777	26.516.729.322

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	153.848.700	169.127.200
- Bảo hiểm xã hội	-	345.655.673
- Bảo hiểm y tế	-	62.834.060
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	27.110.249
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	903.719.138	844.828.812
	1.057.567.838	1.449.555.994
b. Dài hạn		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	24.781.710.172	25.144.200.829
	24.781.710.172	25.144.200.829

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND				
Số dư đầu năm trước	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.029.364.790.809)	517.136.483.293	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.445.660.829	11.445.660.829	
Số dư đầu năm nay	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.017.919.129.980)	528.582.144.122	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.796.028.877	2.796.028.877	
Số dư cuối năm nay	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.015.123.101.103)	531.378.172.999	

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 17, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty và công ty con là kinh doanh máy móc, linh kiện, thiết bị y tế và dịch vụ y tế. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

24. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	519.305.001.531	615.236.373.022
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	357.941.166.883	454.259.100.515
- Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	135.438.664.601	132.740.762.661
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.925.170.047	28.236.509.846
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.132.139.603	162.325.934
- Hàng bán bị trả lại	2.132.139.603	162.325.934
	517.172.861.928	615.074.047.088

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	268.968.298.352	367.547.603.384
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	114.657.788.853	116.816.909.273
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.800.029.239	22.168.981.386
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(310.861.757)	443.777.038
	408.115.254.687	506.977.271.081

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.832.006.703	2.268.598.365
Chi phí nhân viên	51.271.333.375	46.636.726.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.309.851.814	70.481.169.999
Chi phí dự phòng	9.697.831.619	2.375.022.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.273.980.438	89.082.474.374
Chi phí khác bằng tiền	23.759.341.631	25.377.747.976
	250.144.345.580	236.221.739.243

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.846.457.938	1.587.749.113
Lãi chênh lệch tỷ giá	950.064.107	3.273.617.458
	3.796.522.045	4.861.366.571

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	9.038.195	1.140.073.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá	504.275.409	2.213.854.031
	513.313.604	3.353.927.581

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	39.928.425.776	35.099.019.816
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.545.571.409	1.931.245.028
- Chi phí tiền lương	15.600.713.381	15.596.330.346
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.782.140.986	17.571.444.442
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	80.944.864.483	72.441.891.092
- Chi phí tiền lương	25.415.997.873	23.142.750.687
- Các khoản chi phí bán hàng khác	55.528.866.610	49.299.140.405

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	12.479.834.724	12.212.711.652
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	290.106.248	190.909.090
Các khoản khác	691.990.663	1.115.938.684
	13.461.931.635	13.519.559.426

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	966.294.963	66.859.400
Các khoản bị phạt, truy thu	38.979.586	2.634.646.504
Các khoản khác	1.192.670.912	754.816.837
	2.197.945.461	3.456.322.741

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	665.730.403
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	665.730.403

(i) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty áp dụng theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Công ty đã khấu trừ lỗ tính thuế các năm trước vào thu nhập chịu thuế năm hiện tại, số lỗ được chuyển cao hơn thu nhập chịu thuế do đó Công ty không phát sinh thu nhập tính thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.796.028.877	11.445.660.829
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	112.500.171	112.500.171
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	25	102

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	4.925.927.438	4.398.479.887
- Trên 1 năm đến 5 năm	2.388.612.000	3.960.824.555
	7.314.539.438	8.359.304.442

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo các hợp đồng thuê văn phòng, thuê kho đã ký kết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	5.330.442.808	4.656.656.892

36. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới ("Covid-19") gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới, gây ảnh hưởng trên diện rộng và tạo ra nhiều thách thức cho hầu hết các lĩnh vực kinh tế cũng như xã hội. Chính phủ Việt Nam đã triển khai các giải pháp hiệu quả và chủ động ngay từ khi dịch bệnh bùng phát nhằm kiểm soát sự gia tăng của dịch bệnh, đồng thời thực hiện các biện pháp tích cực để khôi phục và thúc đẩy phát triển kinh tế sau thời gian giãn cách xã hội. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của tình hình dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty và thực hiện các biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nhân viên và các hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang liên tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể đưa ra giải pháp ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.



(Signature)

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

(Signature)

Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng

Wang Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (JVC)

Trụ sở Hà Nội: Tầng 24 tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại: +84 24 3683 0516

Fax: +84 24 3683 0578

Chi nhánh HCM: Tầng 5 Central Garden,
328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: +84 28 3920 7283

Fax: +84 28 3920 5873

PKĐK Việt Nhật: Tầng 7, tòa nhà Đồng Lợi, Số 2+4 ngõ 1160 Đường Láng,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số điện thoại: +84 24 3683 0617

Fax: +84 24 3683 0578

Email: info@ytevietnhat.com.vn

Website: www.ytevietnhat.com.vn